

Bản án số: 32/2022/HSST.
Ngày 12/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI - TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hằng
Bà Vũ Thị Hòa

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên toà:*
Ông Trịnh Ngọc Thạch - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2022/HSST ngày 07 tháng 4 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HS ngày 20/4/2022 đối với các bị cáo:

1. **Họ và tên: Phạm Xuân N**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.
Sinh ngày: 21/7/1989 tại thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
Nơi cư trú: Tổ 02, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1957, trú tại tổ 02, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1958, trú tại tổ 23, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Vợ Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1990, có 02 con, con lớn tên Phạm Quốc K, sinh năm 2009, con nhỏ tên Phạm Khôi N, sinh năm 2019 cùng trú tại tổ 02, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Bị cáo có nhân thân xấu: Năm 2011 bị xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000đ(Một triệu năm trăm ngàn đồng) tại quyết định số 23/QĐ-XPHC ngày 11/5/2011 của Công an tỉnh Lào Cai về hành vi “ *Gây rối trật tự công cộng*” đến nay đã được xóa tiền sự; Năm 2014 bị xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” tại bản án số 42/2014/HSST ngày 02/4/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai. Ngày

14/9/2016 bị cáo chấp hành xong, đến nay đã được xóa án tích;Tiền án: không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lào Cai- có mặt.

2. Họ và tên: Đào Ngọc T, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 14/12/1987 tại thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Tổ 26, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Đào Ngọc L, sinh năm 1948 và bà Phạm Thị S, sinh năm 1961. Hiện cả hai cùng trú tại xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai;Vợ : Mai Thị N, sinh năm 1987, trú tại thị xã S, tỉnh Lào Cai (Đã ly hôn); có 02 con, con lớn tên Đào Gia L, sinh năm 2010, con nhỏ tên Đào Kim A, sinh năm 2014; Bị cáo có nhân thân xấu: Năm 2018 bị xử phạt 01 năm tù về tội “ *Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tại Bản án số 48/2018/HSST ngày 27/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai. Ngày 29/7/2019 bị cáo chấp hành xong, đến nay đã được xóa án tích.Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lào Cai- có mặt

3. Họ và tên: Tạ Hữu Chí T, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 06/10/1993 tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn L, xã Minh Q, huyện T, tỉnh Yên Bái

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Tạ Quang V, sinh năm 1966 và bà Lê Thị T, sinh năm 1970. Hiện cả hai cùng trú tại xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái; Bị cáo chưa có vợ, chưa có con.Tiền án: 01 tiền án. Tại Bản án số 29/2013/HSPT ngày 17/6/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản.*” Ngày 21/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù, đến nay chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lào Cai- có mặt

4. Họ và tên: Lò Văn N, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 06/02/1990 tại huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Nơi cư trú: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Lò Văn P, sinh năm 1969 và bà Hà Thị T, sinh năm 1968. Hiện cả hai cùng trú tại xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu; Bị cáo chưa có vợ, chưa có con; Bị

cáo có nhân thân xấu: Năm 2011 bị xử phạt 30 tháng tù treo về tội “*Cố ý gây thương tích*” tại Bản án số 16/2011/HSST ngày 22/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Năm 2013 bị xử phạt 03 năm 07 tháng 29 ngày tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 06/2013/HSST ngày 01/02/2013 của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Ngày 02/4/2016 bị cáo chấp hành xong, đến nay đã được xóa án tích; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lào Cai- có mặt

5. Họ và tên: Nguyễn Ngọc T, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 12/3/1994 tại huyện Bảo T, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Tổ 34, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965, trú tại phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1970, trú tại tổ 34, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Bị cáo chưa có vợ, chưa có con; Tiền án: có 02 tiền án, cụ thể: Năm 2017 bị xử phạt 01 năm tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” tại Bản án số 188/2017/HSST ngày 04/12/2017 của Tòa án nhân dân quận T Xuân, thành phố Hà Nội; Tại Bản án số 406/2017/HSST ngày 21/12/2017, bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Tổng hợp hình phạt của hai bản án, bị cáo phải chấp hành 03 năm 06 tháng tù. Ngày 13/01/2020 chấp hành xong hình phạt tù, đến nay chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lào Cai - có mặt

** Những người làm chứng:*

1. Hoàng Thúy L; địa chỉ: Thôn Cúm Hạ 2, xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai- Vắng mặt

2. Nguyễn Kim L; địa chỉ: Tổ 11, phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 04/10/2021, bị cáo Phạm Xuân N có nhắn tin qua ứng dụng Zalo cho bị cáo Đào Ngọc T rủ T sử dụng ma túy. Bị cáo T đồng ý và bảo bị cáo N mua 04 (bốn) viên ma túy kẹo và 02 (hai) chỉ ma túy Ketamine, nếu mua nợ được thì T sẽ trả tiền cho N, rồi về nhà T cùng nhau sử dụng. Khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày, bị cáo Phạm Xuân N đã mua của người đàn ông không

quen biết tại đầu cầu Cốc Lếu thuộc tổ 17, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai được 04 viên ma túy kẹo và 02 chỉ ma túy Ketamine với giá 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy bị cáo N cho vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi về nhà, sau đó đi đến nhà bị cáo Đào Ngọc T tại thôn Luồng Láo 2, xã Cốc San, thành phố Lào Cai để cùng nhau sử dụng ma túy, tuy nhiên do mẹ bị cáo T không cho phép bị cáo N vào chơi nên bị cáo T chuẩn bị loa, đèn, USB và máy chiếu đưa cho bị cáo N cầm đến khách sạn Royal, tổ 27, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai thuê phòng, bị cáo T sẽ đến và trả tiền phòng sau.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, các bị cáo Tạ Hữu Chí T, Nguyễn Ngọc T, Lò Văn N và Hoàng Thuý L khi đang ngồi chơi tại chỗ ở của bị cáo Lò Văn N ở số nhà 126 đường Nhạc Sơn, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai Tại đây bị cáo Tạ Hữu Chí T đã rủ T và N góp tiền để mua ma túy về sử dụng, T, N đồng ý. Sau đó, bị cáo T gọi điện qua ứng dụng Zalo cho bị cáo Phạm Xuân N nhờ bị cáo N mua hộ ma túy và rủ N sử dụng ma túy cùng nhưng bị cáo N trả lời không mua được. Bị cáo T tiếp tục gọi cho bị cáo N để hỏi chỗ sử dụng ma túy, bị cáo N và bị cáo T thống nhất đến khách sạn để cùng sử dụng ma túy. Bị cáo Tạ Hữu Chí T nhắn tin địa chỉ cho bị cáo N để N tới đón nhóm của T cùng đi đến khách sạn Royal. Bị cáo N đi taxi đến đón T, T, N, L và nhóm của T đã chuyển cho N tổng cộng 4.000.000đ (bốn triệu đồng) do có 04 (bốn) người đi sử dụng ma túy, trong đó T góp 2.000.000đ (hai triệu đồng), N góp 1.000.000đ (một triệu đồng), T góp 1.000.000đ (một triệu đồng), cụ thể: N đã đưa cho T 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền mặt sau đó T đưa số tiền này cho N, sau đó chuyển khoản 1.000.000đ (một triệu đồng) từ tài khoản của T đến tài khoản ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số 375140000160854 của N, T nhờ L chuyển khoản 1.000.000đ (một triệu đồng) và bảo T chuyển khoản 1.000.000đ (một triệu đồng) vào tài khoản của N. Khi đến khách sạn Royal, bị cáo N mượn chứng minh nhân dân của bị cáo Nguyễn Ngọc T để thuê phòng 9508 và rủ thêm Nguyễn Kim L đến sử dụng ma túy cùng, rồi gọi điện cho bị cáo T báo số phòng và bảo bị cáo T đem theo đĩa sứ và thuốc lá đến. Khoảng 30 phút sau, bị cáo T đến phòng 9508 khách sạn Royal. Khi lên phòng 9508, bị cáo Đào Ngọc T để đĩa sứ lên kệ gỗ rồi bật loa, đèn, máy chiếu, USB mở nhạc cho mọi người cùng nghe. Bị cáo Phạm Xuân N để 02 (hai) túi nilon chứa ma túy Ketamine cùng 04 (bốn) viên ma túy Kẹo lên mặt kệ gỗ kê tại giữa hai giường, sau đó N sử dụng 01 (một) viên ma túy Kẹo rồi đưa cho Đào Ngọc T sử dụng 01 (một) viên ma túy Kẹo, N đưa cho N 01 (một) viên ma túy Kẹo, N bẻ một nửa viên đưa cho T và cả hai sử dụng hết, T cũng chia cho L một nửa viên ma túy Kẹo và cả hai sử dụng hết. Sau đó các bị cáo T, N dùng đĩa sứ và mượn thẻ ATM Ngân hàng MB của bị cáo Đào Ngọc T để xào ma túy Ketamine, tiếp đó, T mượn của bị cáo T 01 (một) tờ tiền mệnh giá 10.000 (mười nghìn đồng) cuộn tròn lại làm tẩu để sử dụng ma túy. Khoảng 01 giờ ngày 05/10/2021, Nguyễn

Kim L cũng đến phòng 9508. Các bị cáo N, T, T mỗi người sử dụng 02 (hai) đường ma túy Ketamine, còn bị cáo N, bị cáo T, L, L mỗi người sử dụng 01 (một) đường ma túy Ketamine. Đến 01 giờ 50 phút ngày 05/10/2021 thì bị kiểm tra và bắt quả tang.

Quá trình kiểm tra thu giữ tại vị trí trên kệ gỗ kê giáp tường giữa giường ngủ thứ hai và thứ ba từ cửa ra vào có 01 túi nilon màu trắng, có mép miết viền màu xanh, bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng; thu giữ số chất bột khô màu trắng trên mặt đĩa sứ hình tròn cho vào 01 túi nilon màu trắng, để tại vị trí trên kệ gỗ kê giáp tường đối diện giường ngủ thứ hai và thứ ba, bị cáo N khai nhận đó là ma túy Ketamine của N mua về cho mọi người cùng sử dụng. Ngoài ra còn thu giữ 02 (hai) túi nilon màu trắng có mép miết đã qua sử dụng; 01 (một) đĩa sứ hình tròn, màu trắng; 01 (một) thẻ ngân hàng MB mang tên “DAO NGOC TUAN”; 01 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 10.000 (mười nghìn) đồng được cuộn tròn; 01 (một) loa không dây hình tròn, màu xám; 01 (một) đèn chiếu sáng màu trắng; 01 máy chiếu mini màu đen; 01 (một) USB màu đen nhãn hiệu KINGSTON. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng theo quy định. Ngoài ra, còn tạm giữ của Phạm Xuân N 01 (một) ví giả da màu đen, bên trong có 01 CMND mang tên Phạm Xuân N, 01 (một) thẻ ngân hàng BIDV số 9704180000012532651 mang tên Phạm Xuân N, tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.000.000 (một triệu) đồng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu xám, số IMEI 354951070763046;

Tạm giữ của Đào Ngọc T 01 (một) ví giả da màu nâu, bên trong có 01 (một) thẻ căn cước công dân mang tên Đào Ngọc T, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 PRO MAX, màu xanh, số IMEI 357095188697667;

Tạm giữ của Lò Văn N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu xám, vỡ màn hình, số IMEI 359312067428173;

Tạm giữ của Tạ Hữu Chí T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI 865524032072111, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu trắng, số IMEI 357486070070230;

Tạm giữ của Nguyễn Ngọc T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, số IMEI 357966105143300/01, 01 (một) thẻ ngân hàng MB số 4089041085230340 mang tên Nguyễn Ngọc T, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc T;

Tạm giữ của Hoàng Thuý L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 PROMAX, màu đen, số IMEI 353893104608022;

Tạm giữ của Nguyễn Kim L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS MAX màu vàng, số IMEI 357293098704554.

Tại Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, xác định niêm phong còn nguyên vẹn, đúng quy định: Bì thư ghi ký hiệu M1: Bên trong có 01 túi nilon màu

trắng, mép miết viền màu xanh, bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng. Tổng khối lượng 1,13 (một phẩy mười ba) gam. Trích 0,28 (không phẩy hai mươi tám) gam để tiến hành giám định. Vật chứng còn lại 0,85 (không phẩy tám mươi lăm) gam hoàn trả cơ quan trung cầu. Bì thư ghi ký hiệu M2: Bên trong có 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất bột khô màu trắng có khối lượng 0,05 (không phẩy không năm) gam (Trích mẫu toàn bộ).

Kết luận giám định về ma túy số 283/GĐMT ngày 07/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Mẫu M1: 1,13 (một phẩy mười ba) gam các hạt tinh thể rắn, màu trắng gửi giám định là loại chất ma túy Ketamine. Mẫu M2: 0,05 (không phẩy không năm) gam chất bột khô, màu trắng gửi giám định là loại chất ma túy Ketamine.

Cáo trạng số 06/CT- VKSTPLC ngày 26/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai đã truy tố các bị cáo Phạm Xuân N, Đào Ngọc T, Tạ Hữu Chí T về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; các bị cáo Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T bị truy tố về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Ngày 23/3/2022 Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai truy tố các bị cáo Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T đồng phạm với các bị cáo Phạm Xuân N, Đào Ngọc T, Tạ Hữu Chí T về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự, nhưng Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố số 06/CT- VKSTPLC ngày 26/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Tại phiên tòa các bị cáo Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T cho rằng các bị cáo không phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” như Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án thành phố Lào Cai, vì khi các bị cáo được bị cáo T rủ góp tiền để mua ma túy về cùng nhau sử dụng, các bị cáo đồng ý và mỗi người tham gia góp số tiền 1.000.000 đồng cho bị cáo N để mua ma túy về sử dụng, nhưng sau đó việc tìm mua ma túy và rủ những người khác cùng sử dụng số ma túy này thì các bị cáo không biết. Khi đến khách sạn để sử dụng ma túy thì các bị cáo mới biết có thêm những người khác cùng sử dụng. Mục đích của các bị cáo là góp tiền mua ma túy để sử dụng cho bản thân, không nhằm mục đích mua ma túy để rủ những người khác cùng sử dụng. Vì vậy các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét chỉ xử các bị cáo với tội danh “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai thể hiện như sau: Ngày 04/10/2021, các bị cáo Phạm Xuân N, Đào Ngọc T, Tạ Hữu Chí T đã có hành vi rủ nhau mua ma túy và chuẩn bị địa điểm, công cụ và rủ Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T, Hoàng Thuý L, Nguyễn Kim L

cùng sử dụng ma túy tại phòng 9508 khách sạn Royal. Đến 01 giờ 50 phút ngày 05/10/2021 thì bị bắt quả tang, tang vật thu giữ còn lại là 1,18(*Một phẩy mười tám*) gam ma túy Ketamine. Vì vậy, các bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng là đối với 2 người trở lên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự, hành vi của các bị cáo đã đủ cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Các bị cáo Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T khi được Tạ Hữu Chí T rủ sử dụng trái phép nhất ma túy, đã cùng tham gia góp số tiền 1.000.000đ để mua ma túy về sử dụng cho bản thân, không nhằm mục đích rủ người khác sử dụng, nên đã đủ cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phạm Xuân N, Đào Ngọc T, Tạ Hữu Chí T về tội “ *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; các bị cáo Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Xuân N từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù; bị cáo Đào Ngọc T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Tạ Hữu Chí T từ T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn N từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

-Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

+Tịch thu tiêu hủy: 0,85 (*không phẩy tám mươi lăm*) gam ma túy Ketamine được tái niêm phong bằng bì thư in sẵn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, trên một mặt của bì niêm phong này có ghi “*Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ khi bắt quả tang tại phòng 9508 khách sạn Royal, thuộc tổ 7, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai ngày 05/10/2021*”; 01 (*một*) ví giả da màu đen của bị cáo Phạm Xuân N; 01 (*một*) thẻ ngân hàng BIDV số 9704180000012532651 mang tên Phạm Xuân N; 01(*một*) thẻ Ngân hàng MB mang tên Đào Ngọc T; 02(*hai*) túi nilon màu trắng có mét miết đã qua sử dụng; 01(*một*) đĩa xù hình tròn màu trắng; 01(*một*) USB màu đen, nhãn hiệu

KINGSTON; 01(một) ví giả da màu nâu của Đào Ngọc T; 01(một) thẻ Ngân hàng MB mang tên Nguyễn Ngọc T;

+Tích thu sung quỹ Nhà nước: Số tiền 4.000.000đ(Bốn triệu đồng) của bị cáo Phạm Xuân N; 01(một) tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng cuốn tròn; 01 (một) loa không dây hình tròn, màu xám; 01 (một) đèn chiếu sáng, màu trắng; 01(một) máy chiếu mini màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu xám, số IMEI 354951070763046 của bị cáo Phạm Xuân N; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 PRO MAX, màu xanh, số IMEI 357095188697667 của bị cáo Đào Ngọc T; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI 865524032072111 của bị cáo Tạ Hữu Chí T (*Tại thời điểm giao nhận không khởi động được máy nên không kiểm tra thực tế số IMEI*); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, số IMEI 357966105143300/01 của bị cáo Nguyễn Ngọc T.(*Tại thời điểm giao nhận không khởi động được máy nên không kiểm tra thực tế số IMEI*).

+ Tạm giữ 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu xám, vỡ màn hình, số IMEI 359312067428173 của bị cáo Lò Văn N (*Tại thời điểm giao nhận không khởi động được máy nên không kiểm tra thực tế số IMEI*) và 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu trắng, vỡ màn hình số IMEI 357486070070230 của bị cáo Tạ Hữu Chí T (*Tại thời điểm giao nhận không khởi động được máy nên không kiểm tra thực tế số IMEI*) để đảm bảo công tác thi hành án về khoản tiền án phí.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Xuân N 01(một) chứng minh nhân dân mang tên Phạm Xuân N; Trả lại cho bị cáo Đào Ngọc T 01(một) căn cước công dân mang tên Đào Ngọc T. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc T.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, biên bản niêm phong vật chứng, sơ đồ vị trí bắt quả tang, kết luận giám định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều thực hiện hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo: Các lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Ngày 04/10/2021 bị cáo Phạm Xuân N khởi xướng rủ bị cáo Đào Ngọc T đi mua ma túy về để sử dụng, bị cáo Đào Ngọc T bảo bị cáo N đi mua ma túy chịu, nếu mua được bị cáo T là người trả tiền cho bị cáo N. Sau khi thống nhất, bị cáo N đã mua được 04 viên ma túy Kẹo và 02 chỉ ma túy Ketamine của một người đàn ông không quen biết tại đầu cầu Cốc Lếu với giá 6.500.000đ. Sau khi mua được ma túy bị cáo N cho vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi về nhà, sau đó đi đến nhà bị cáo Đào Ngọc T tại thôn Luồng Láo 2, xã Cốc San, thành phố Lào Cai để cùng nhau sử dụng ma túy, tuy nhiên do mẹ bị cáo T không cho phép bị cáo N vào chơi nên bị cáo T chuẩn bị loa, đèn, USB và máy chiếu đưa cho bị cáo N cầm đến khách sạn Royal, tổ 27, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai thuê phòng, bị cáo T sẽ đến và trả tiền phòng sau.

Cùng ngày bị cáo Tạ Hữu Chí T bàn bạc và rủ các bị cáo Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T đi mua ma túy về để sử dụng. Bị cáo T đã gọi điện cho bị cáo Phạm Xuân N nhờ N mua ma túy hộ và rủ N sử dụng ma túy cùng. Sau đó bị cáo N thuê xe taxi đến đón các bị cáo T, Nghĩa, T và Hoàng Thuý L đi sử dụng ma túy. Nhóm của bị cáo Tạ Hữu Chí T đã góp số tiền 4.000.000đ cho bị cáo Phạm Xuân N để mua ma túy về cùng nhau sử dụng (*trong đó T góp 02 triệu đồng, Lò Văn N góp 01 triệu đồng, Hoàng Ngọc T góp 01 triệu đồng*). Khi đến khách sạn do bị cáo N không có giấy tờ tùy thân nên đã mượn giấy chứng minh nhân dân của bị cáo Nguyễn Ngọc T để thuê phòng 9058 tại Khách sạn Royal để sử dụng ma túy. Khi vào trong phòng 9058 bị cáo Đào Ngọc T để đĩa sứ lên kệ gỗ rồi bật loa, đèn, máy chiếu, USB mở nhạc cho mọi người cùng nghe. Bị cáo Phạm Xuân N để 02 (hai) túi nilon chứa ma túy Ketamine cùng 04 (bốn) viên ma túy Kẹo lên mặt kệ gỗ kê tại giữa hai giường, các bị cáo đã cùng nhau sử dụng ma túy Kẹo. Sau đó các bị cáo T, N dùng đĩa sứ và mượn thẻ ATM Ngân hàng MB của bị cáo T để xào ma túy Ketamine, tiếp đó, bị cáo T mượn của bị cáo T 01(một) tờ tiền mệnh giá 10.000đ(mười nghìn đồng) cuộn tròn lại để sử dụng ma túy. Khoảng 01 giờ ngày 05/10/2021, Nguyễn Kim L cũng đến phòng 9508. Các bị cáo N, T, T, Nghĩa, T, Lâm, Liên cùng nhau sử dụng ma túy Ketamine. Đến 01 giờ 50 phút ngày 05/10/2021 các bị cáo bị bắt và bị thu giữ số ma túy còn lại chưa kịp sử dụng hết là 1,18g Ketamine. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Phạm Xuân N, Đào Ngọc T, Tạ Hữu Chí T đã đủ yếu tố cấu thành tội “ *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoảng 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

[3] Đối với các bị cáo Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T Viện bị kiểm sát truy tố tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự . Về vấn đề này Hội đồng xét xử xét thấy: Theo khoản 1 Điều 17 Bộ luật hình sự quy định: *Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cùng cố ý thực hiện tội phạm*”. Đối chiếu quy định về đồng phạm với các hành vi mà các bị cáo Phạm Xuân N, Đào Ngọc T, Tạ Hữu Chí T, Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T đã thực hiện thì cả 05 bị cáo đều không phải là đối tượng nghiện ma túy nhưng đã thống nhất ý chí cùng thực hiện việc đưa ma túy vào cơ thể người khác và cơ thể mình. Mặc dù các bị cáo T, N được bị cáo T rủ rê đã đồng ý và góp tiền mua ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, không nhằm mục đích để rủ những người khác cùng sử dụng. Tuy nhiên khi đến khách sạn để sử dụng ma túy, các bị cáo thấy có nhiều người trong đó có Hoàng Thúy L, Nguyễn Kim L đến và cùng sử dụng số ma túy mà bị cáo N đã mang đến cho mọi người cùng sử dụng, các bị cáo đồng ý và không có ý kiến gì. Như vậy, các bị cáo đã thể hiện ý chí đồng ý cho L và L sử dụng phần ma túy của mình trong số ma túy mà các bị cáo đã góp tiền và nhờ bị cáo N mua hộ. Khối lượng ma túy 1,18 gam Ketamine còn lại sau khi các bị cáo và các đối tượng liên quan sử dụng là của chung các bị cáo, không xác định được phần của từng bị cáo để làm căn cứ truy tố truy tố các bị cáo Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai đã ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai truy tố các bị cáo Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T đồng phạm với các bị cáo Phạm Xuân N, Đào Ngọc T, Tạ Hữu Chí T về tội “ *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự nhưng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai giữa nguyên quan điểm truy tố , nên căn cứ vào khoản 3 Điều 298 Bộ Luật hình sự Tòa án quyết định và xét xử các bị cáo Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T với tội danh nặng hơn, các bị cáo Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T đồng phạm với các bị cáo Phạm Xuân N, Đào Ngọc T, Tạ Hữu Chí T về tội “ *Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, truy tố các bị cáo Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T về tội “ *Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với quan điểm của các bị cáo Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T cho rằng các bị cáo không phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự như Quyết định xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai mà các bị cáo chỉ phạm tội “ *Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như cáo trạng đã truy tố là không có căn cứ, không đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất N trọng, các bị cáo đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật N cấm, thấy trước được tác hại của hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với mục đích đưa được chất ma túy vào cơ thể mình và vào cơ thể của người khác một cách trái phép, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo Phạm Xuân N, Đào Ngọc T, Tạ Hữu Chí T, Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T đã cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung hình phạt đối với “*02 người trở lên*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đối với các bị cáo cần phải có một mức án N khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để tiếp tục cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo, đồng thời góp phần phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Đối với bị cáo Phạm Xuân N là người khởi xướng, trực tiếp mua ma túy, thuê địa điểm, xào ma túy để cho các bị cáo sử dụng, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Bị cáo Đào Ngọc T là người hứa hẹn sẽ trả tiền ma túy và tiền thuê phòng, hướng dẫn bị cáo N đến khách sạn Royal để thuê phòng, chuẩn bị công cụ để sử dụng ma túy nên phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm là người thực hành tích cực trong vụ án.

Bị cáo Tạ Hữu Chí T là người đã rủ Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T góp tiền, sau đó gọi điện thống nhất với bị cáo N để tổ chức sử dụng ma túy, bị cáo cùng với bị cáo N xào ma túy cho các bị cáo sử dụng nên bị cáo chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm là người thực hành trong vụ án.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lò Văn N khi được bị cáo Tạ Hữu Chí T rủ tham gia sử dụng ma túy mỗi bị cáo đã nhất trí góp số tiền 1.000.000đ để mua ma túy về sử dụng. Khi đến Khách sạn Royal bị cáo N đã mượn của bị cáo T chứng minh nhân dân của bị cáo để thuê phòng; trong quá trình sử dụng ma túy T đã đưa cho T tờ tiền 10.000đ để T cuộn lại làm tẩu để hút ma túy, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm là người thực hành trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị bắt các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi, động cơ, mục đích phạm tội. Ngoài ra bị cáo Đào Ngọc T có mẹ đẻ được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen vì đã có thành tích trong công tác từ năm 2009 đến năm 2013, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ Nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc và được Bộ Tư pháp tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác đăng ký và quản lý hộ tịch; bị cáo Phạm Xuân N có ông nội được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai tặng Bằng khen vì đã có

thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà các bị cáo được hưởng; các bị cáo Đào Ngọc T, Phạm Xuân N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định của pháp luật

[5.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Bị cáo Tạ Hữu Chí T có 01 tiền án: Tại Bản án số 29/2013/HSPT ngày 17/6/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản.*” Ngày 21/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù, đến nay chưa được xóa án tích; bị cáo Nguyễn Ngọc T có 02 tiền án: Bản án số 188/2017/HSST ngày 04/12/2017 bị Tòa án nhân dân quận T Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 01 năm tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; Bản án số 406/2017/HSST ngày 21/12/2017 bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Tổng hợp hình phạt của hai bản án, bị cáo phải chấp hành 03 năm 06 tháng tù. Ngày 13/01/2020 chấp hành xong hình phạt tù, đến nay chưa được xóa án tích. Do đó các bị cáo Tạ Hữu Chí T, Nguyễn Ngọc T phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng, không khả năng để thi hành án nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự.

[7] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ của các bị cáo: 1,18(*Một phẩy mười tám*) gam Ketamine. Đã trích mẫu để giám định. Số vật chứng còn lại: 0,85 (*không phẩy tám mươi lăm*) gam ma túy Ketamine; 01 (một) ví giả da màu đen của bị cáo Phạm Xuân N; 01(một) thẻ ngân hàng BIDV số 9704180000012532651 mang tên Phạm Xuân N; 01 thẻ Ngân hàng MB mang tên Đào Ngọc T; 02 túi nilon màu trắng có mét miết đã qua sử dụng; 01 đĩa xur hình tròn màu trắng; 01 USB màu đen, nhãn hiệu KINGSTON; 01 ví giả da màu nâu của Đào Ngọc T; 01 thẻ Ngân hàng MB mang tên Nguyễn Ngọc T. Đây là chất ma túy nhà nước cấm lưu hành, là vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp với điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong tài khoản số 37510000160854 (mang tên Phạm Xuân N) tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh tại Lào Cai và số tiền 1.000.000 đồng tạm giữ trong ví giả da của Phạm Xuân N được chuyển đến tài khoản số 3949.0.9049863 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lào Cai mở tại Kho bạc Nhà nước Lào Cai; 01 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng cuộn tròn; 01 (một) loa không dây hình tròn, màu xám; 01

(một) đèn chiếu sáng, màu trắng; 01 máy chiếu mini màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu xám, số IMEI 354951070763046 của bị cáo Phạm Xuân N; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 PRO MAX, màu xanh, số IMEI 357095188697667 của bị cáo Đào Ngọc T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI 865524032072111 của bị cáo Tạ Hữu Chí T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, số IMEI 357966105143300/01 của bị cáo Nguyễn Ngọc T. Đây là những tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu để nộp vào ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự ; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu xám, vỡ màn hình, số IMEI 359312067428173 của bị cáo Lò Văn N và 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu trắng, vỡ màn hình số IMEI 357486070070230 của bị cáo Tạ Hữu Chí T; 01(một) chứng minh nhân dân mang tên Phạm Xuân N; 01(một) căn cước công dân mang tên Đào Ngọc T; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc T. Đây là những tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho các bị cáo là phù hợp với khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, các bị cáo Lò Văn N, Tạ Hữu Chí T còn phải thi hành án khoản tiền án phí, nên cần tạm giữ 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu xám, vỡ màn hình, số IMEI 359312067428173 của bị cáo Lò Văn N và 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu trắng, vỡ màn hình số IMEI 357486070070230 của bị cáo Tạ Hữu Chí T để đảm bảo công tác thi hành án.

[8] Đối với Nguyễn Kim L và Hoàng Thuý L, quá trình điều tra xác định L và L không góp tiền mua ma túy mà chỉ được rủ đến sử dụng ma túy cùng nên không đề cập xử lý hình sự. Ngày 29/11/2021 Công an thành phố Lào Cai đã ra quyết định số 132, 133 xử phạt hành chính đối với Nguyễn Kim Liên và Hoàng Thuý Lâm về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và đã trả lại tài sản bị thu giữ cho Lâm và Liên, xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Do các bị cáo bị kết án nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Xuân N, Đào Ngọc T, Tạ Hữu Chí T, Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt :

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân N 08(tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 05/10/2021.

Xử phạt bị cáo Đào Ngọc T 07(bảy) năm 09(chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 05/10/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Tạ Hữu Chí T 07(bảy) năm 09(chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 05/10/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 07(bảy) năm 03(ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 05/10/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Văn N 07(bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 05/10/2021.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ: 0,85 (*không phải tám mươi lăm*) gam ma tuý Ketamine được tái niêm phong bằng bì thư in sẵn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, trên một mặt của bì niêm phong này có ghi “*Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ khi bắt quả tang tại phòng 9508 khách sạn Royal, thuộc tổ 7, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai ngày 05/10/2021*”; 01 (một) ví giả da màu đen của bị cáo Phạm Xuân N; 01 (một) thẻ ngân hàng BIDV số 9704180000012532651 mang tên Phạm Xuân N; 01(một) thẻ Ngân hàng MB mang tên Đào Ngọc T; 02 (hai) túi nilon màu trắng có mét miết đã qua sử dụng; 01(một) đĩa xù hình tròn màu trắng; 01(một) USB màu đen, nhãn hiệu KINGSTON; 01(một) ví giả da màu nâu của Đào Ngọc T; 01(một) thẻ Ngân hàng MB mang tên Nguyễn Ngọc T;

+ Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: Số tiền 4.000.000đ(*Bốn triệu đồng*) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của bị cáo Phạm Xuân N đã được chuyển đến tài khoản số 3949.09049863 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lào Cai mở tại Kho bạc Nhà nước Lào Cai(theo công văn số 92/CSMT ngày 12/01/2022 và giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 20/01/2022); 01(một) tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 10.000đ(*Mười nghìn đồng*) cuộn tròn; 01 (một) loa không dây hình tròn, màu xám; 01 (một) đèn chiếu sáng, màu trắng; 01(một) máy chiếu mini màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu xám, số IMEI 354951070763046 của bị cáo Phạm Xuân N; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 PRO MAX, màu xanh, số IMEI 357095188697667 của bị cáo Đào Ngọc T; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI 865524032072111 của bị cáo Tạ Hữu Chí T (*Tại thời*

điểm giao nhận không khởi động được máy nên không kiểm tra thực tế số IMEI); 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, số IMEI 357966105143300/01 của bị cáo Nguyễn Ngọc T.(Tại thời điểm giao nhận không khởi động được máy nên không kiểm tra thực tế số IMEI).

+ Tạm giữ 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu xám, vỡ màn hình, số IMEI 359312067428173 của bị cáo Lò Văn N (Tại thời điểm giao nhận không khởi động được máy nên không kiểm tra thực tế số IMEI) và 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu trắng, vỡ màn hình số IMEI 357486070070230 của bị cáo Tạ Hữu Chí T (Tại thời điểm giao nhận không khởi động được máy nên không kiểm tra thực tế số IMEI) để đảm bảo công tác thi hành án về khoản tiền án phí.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Xuân N 01(một) chứng minh nhân dân mang tên Phạm Xuân N; Trả lại cho bị cáo Đào Ngọc T 01(một) căn cước công dân mang tên Đào Ngọc T. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc T.(Vật chứng được thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/02/2022)

4.Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Phạm Xuân N, Đào Ngọc T, Tạ Hữu Chí T, Lò Văn N, Nguyễn Ngọc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ(Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, điều 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh(1);
- VKSND tỉnh(1);
- VKSND TPLC(1);
- THA dân sự(1);
- PV 27(1);
- CATPLC(1)
- Bị cáo (2);
- Sở TP tỉnh(2);
- Lưu HSTHA;
- Lưu HS – TA.

Nguyễn Thị Thúy Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thúy Hằng

